

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 1902 : 1976**

**ĐAI ỐC SÁU CẠNH THẤP (NỬA TINH) – KÍCH THƯỚC**

*Hexagon lock nuts (Standard precision) – Dimensions*

**HÀ NỘI – 2008**



## **Lời nói đầu**

TCVN 1902 : 1976 thay thế cho TCVN 110 : 1963

TCVN 1902 : 1976 do Viện Thiết kế máy Công nghiệp biên soạn, Cục tiêu chuẩn trình duyệt, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ khoa học và Công nghệ) ban hành;

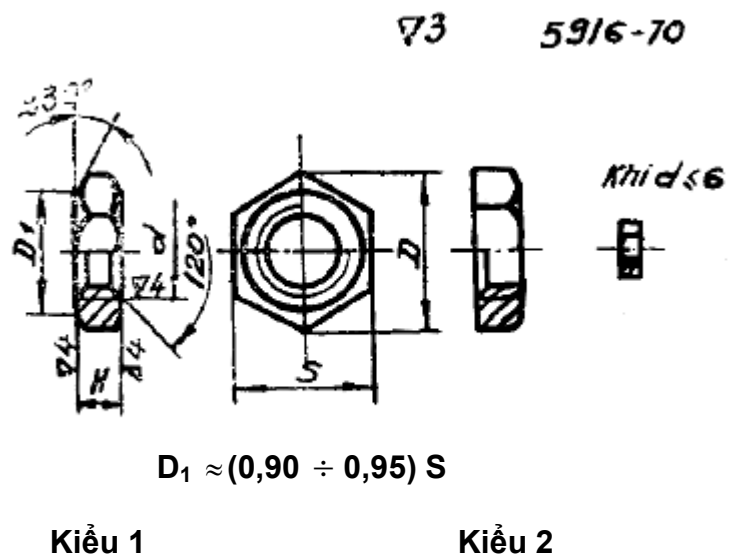
Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.



**Đai ốc sáu cạnh thấp (Nửa tinh) – Kích thước**

*Hexagon lock nuts (Standard precision) – Dimensions*

1 Kết cấu và kích thước của đai ốc cần phải theo những chỉ dẫn ở Hình 1 và Bảng 1.



Hình 1

Bảng 1

Kích thước tính bằng milimét

Đường kính danh nghĩa của ren $d$		(1)	1,4	1,6	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12	(14)	16	(18)	20	(22)	24	(27)	30	36	42	48
Bước ren	Lớn	0,25	0,3	0,35	0,4	0,45	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	4	4,5	5
	Nhỏ	-	-	-	-	-	-	0,5	0,5	0,75	1	1,25	1,25	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	2	2	2	3	3	3
S (Sai lệch giới hạn theo: $B_8$ khi $S \leq 30$ mm; $B_9$ khi $S > 30$ mm)		3,2			4	5	5,5	7	8	10	13	17	19	22	24	27	30	32	36	41	46	55	65	75
Đường kính vòng tròn ngoài tiếp D, không nhỏ hơn		3,6			4,4	5,5	6	7,7	8,8	10,9	14,2	18,7	20,9	24,3	26,5	29,9	33,3	35,0	39,6	45,2	50,9	60,8	72,1	83,4
H (Sai lệch giới hạn theo $B_{10}$ )		0,8	1	1,2		1,6	2	2,5	3	4	5	6	7	8	8	9		10		12		14	16	18
Độ lệch trục giới hạn của lỗ so với các cạnh		0,30					0,40			0,45	0,45	0,60				0,70			0,80					

## CHÚ THÍCH:

1. Không nên dùng những đai ốc có kích thước trong dấu ngoặc.
2. Sai lệch giới hạn của chiều cao đai ốc M1 – M6 được làm bằng phương pháp đột theo tiêu chuẩn tương ứng.

Ví dụ ký hiệu quy ước của đai ốc kiểu 1, đường kính ren  $d = 12$  mm, ren bước lớn có miền dung sai 7H, cấp bền 5, không lớp phủ:

Đai ốc M12 . 5 TCVN 1902 : 1976.

Tương tự cho đai ốc kiểu 2, ren bước nhỏ có miền dung sai 6H, cấp bền 12, làm bằng thép 40X có lớp phủ 01 dày 6  $\mu$ m:

Đai ốc 2M12 x 1,25 . 6H . 12 . 40X . 016 TCVN 1902 : 1976.

- 2 Ren theo TCVN 2248 : 1977, miền dung sai 7H hay 6H theo TCVN 1917 : 1976.
- 3 Theo sự thỏa thuận giữa khách hàng và cơ sở sản xuất cho phép chế tạo đai ốc có miền dung sai 4H, 5H, 6G và 7G.
- 4 Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 1916 : 1976.
- 5 Khối lượng của đai ốc cho trong Phụ lục A.

## Phụ lục A

Bảng A.1 - Khối lượng của đai ốc thép (kiểu 1) ren bước lớn

Đường kính danh nghĩa của ren d, mm	Khối lượng 1000 chiếc đai ốc, kg	Đường kính danh nghĩa của ren d, mm	Khối lượng 1000 chiếc đai ốc, kg
1	0,050	14	17,68
1,4	0,059	16	19,58
1,6	0,068	18	27,46
2	0,105	20	34,68
2,5	0,217	22	42,00
3	0,308	24	55,36
4	0,616	27	86,67
5	0,892	30	110,10
6	0,948	36	182,10
8	4,011	42	294,00
10	8,478	48	443,20
12	10,610		